

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 5 - 2018
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vuơ Chí N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp Th, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Hồ Xuân L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp Th, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa anh N, chị L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Vuơ Chí N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh với chị Hồ Xuân L tự nguyện kết hôn năm 2000, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, sự việc được

hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Xuân L.

- Về con chung: Anh N xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Vuư Tuyết H sinh ngày 15/10/2000 và Vuư Thiên A sinh ngày 10/10/2003. Khi ly hôn tùy theo nguyện vọng các con muốn ở với ai thì người đó nuôi, nếu các con ở với anh thì anh nuôi, vấn đề cấp dưỡng cho con không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh N xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn chị Hồ Xuân L trình bày:

- Về hôn nhân: Qua phần trình bày của anh N về ngày tháng năm chung sống, không đăng ký kết hôn và những nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là đúng. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 người con chung như anh N trình bày là đúng. Khi ly hôn tùy theo nguyện vọng các con ở với ai thì người đó nuôi, trường hợp các con ở với chị thì chị nuôi, chị yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A cho đến khi tròn 18 tuổi theo quy định của pháp luật và đối với cháu H chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị và anh N có một căn nhà mặt trước xây bê tông, nền lót gạch tàu, vách thiết, mái tol, chiều dài 17,5m xây dựng trên phần đất của cha mẹ chồng cho mượn, giá trị căn nhà 70.000.000 đồng. Khi ly hôn chị và anh N tự thỏa thuận phân chia giao nhà cho anh N được sở hữu và anh N có nghĩa giao lại cho chị 35.000.000 đồng, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ: Chị L thống nhất theo anh N trình bày vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Vuư Chí N với chị Hồ Xuân L chung sống với nhau năm 2000, anh, chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N xác định giữa anh với chị L không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L, được chị L đồng ý. Tại khoản 1 Điều 14 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh Vu Chí N với chị Hồ Xuân L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Anh Vu Chí N và chị Hồ Xuân L có 02 người con tên Vu Tuyết H sinh ngày 15/10/2000 và Vu Thiên A sinh ngày 10/10/2003 hiện đang sống cùng với chị L, tại phiên tòa anh N và chị L xác định tùy nguyện vọng của các con ở với ai thì người đó nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản làm việc với hai cháu H và A vào ngày 09/4/2018 cả hai cháu H và A đều có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai cháu H và A cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con, chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng bằng 650.000 đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu của chị L về việc cấp dưỡng cho con là phù hợp được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Vu Chí N và chị Hồ Xuân L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Vu Chí N và chị Hồ Xuân L xác định không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình và án phí dân sự sơ thẩm anh Vu Chí N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Chị Hồ Xuân L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Vu Chí N và chị Hồ Xuân L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai cháu Vu Tuyết H sinh ngày 15/10/2000 và Vu Thiên A sinh ngày 10/10/2003 cho chị Hồ Xuân L được tiếp tục trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Vuur Chí N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Vuur Thiên A mỗi tháng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng), việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần kể từ ngày 07/5/2018 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Anh N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, kể từ ngày chị Hồ Xuân L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Vuur Chí N không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Vuur Chí N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009643 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); chị L không phải chịu, chị L đã nộp tạm ứng 875.000 đồng tại biên lai số 0009682 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh N, chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng